TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2021
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm;

Ông Giàng A Khua

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái không tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 420, tổ 7, thị trấn Yên T, huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Phạm Phú V, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

Quốc tịch: Canada

Nơi cư trú: Apt # 505-81 Willow road, Guelph on, N1H1 W5, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2021; bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị và anh Phạm Phú V kết hôn với nhau vào ngày 11-01-2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn

vợ chồng sống chung với nhau một thời gian thì anh V tiếp tục sang Canada sinh sống và làm việc, khoảng 02 năm đầu thỉnh thoảng anh V có về thăm chị và gia đình. Sau đó, nhiều lần chị N yêu cầu anh V làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang định cư tại Canada để vợ chồng chung sống gần nhau. Tuy nhiên, anh V đã làm thủ tục nhưng không được phía Canada chấp nhận. Vì lý do khoảng cách địa lý và thường xuyên sống xa nhau, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị N xác định tình cảm không còn, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Phú V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Phạm Hoàng Tấn P sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013, hiện cháu P đã được anh V làm thủ tục định cư sang Canada và sinh sống cùng anh V từ năm 2017 đến nay. Nếu ly hôn, chị N nhất trí để anh V trực tiếp nuôi con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi cháu P (cháu P cũng có đơn nguyện vọng được ở với anh V).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Phú V đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, nên anh đã gửi tài liệu và ý kiến về việc ly hôn. Theo bản tự khai đề ngày 20 tháng 5 năm 2021, bị đơn anh V trình bày:

Anh và Chị Hoàng Thị N kết hôn với nhau vào ngày 11-01-2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn anh và chị N không sống chung mà mỗi người một nơi, anh đã định cư tại Canada, mang quốc tịch Canada, còn chị N thì vẫn sống ở Việt Nam, thỉnh thoảng anh có về thăm chị N, nhưng trong qúa trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nay chị N xin ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Tấn P sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013, cháu P đã được anh làm thủ tục định cư sang Canada từ năm 2017 và hiện đang ở cùng với anh tại Canada. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không phải yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Chị Hoàng Thị N có địa chỉ cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Phú V hiện mang quốc tịch và cư trú tại Canada nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định tại Điều 37 và Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình không có tranh chấp về con chung; tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do anh Phạm Phú V đang cư trú tại Canada và có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án trước thời hạn, cũng như đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của chị Hoàng Thị N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Phạm Phú V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn do vợ chồng mỗi người ở một nơi trong một thời gian dài, nên chị N và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, giữa chị N và anh V, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung là Phạm Hoàng Tấn P sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013. Hiện cháu P đang ở cùng với anh V, nên cần giao cháu P cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu P; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh V đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị N phải chịu chi phí tống đạt văn bản tố tụng và bản án theo đường bưu chính ra nước ngoài theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 173, Điều 470, Điều 474, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Phạm Phú V.

3. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Tấn P sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013 cho anh Phạm Phú V nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc có sự thay đổi, chị Hoàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về chi phí tố tụng: Chị N phải chịu 2.010.000 đồng (hai triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền chi phí tống đạt văn bản tố tụng và bản án ra nước ngoài theo đường bưu chính (xác nhận chị N đã nộp đủ).

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008571 ngày24 tháng 3 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (xác nhận chị N đã nộp đủ án phí).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Phú V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
-VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- UBND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
-Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án; HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Đỗ Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thu Hương